

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Chính trị học; Chuyên ngành: Quản lý hành chính công

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phùng Văn Hiền

2. Ngày tháng năm sinh: 29/01/1966; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Sơn đà, Ba Vì, Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 18/629 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 18/629 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 02438.235.888; Điện thoại di động: 0888896868; E-mail: Phunghiennapa@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ.
11/1987-8/1996	Kế toán Công ty nội hơi Việt Nam (Bộ NN và PTNT)
8/1996-7/1997	Đi học và làm Kế toán tại CN Công ty ĐTSX & XNK Hà Tĩnh tại Hà Nội.
7/1997-7/1999	Nghỉ việc riêng đi học
7/1999-9/2002	Phó Trưởng phòng Kế hoạch-Vật tư, Công ty cơ khí Nam Hồng (Sở Công nghiệp Hà Nội) (chức vụ tại thời điểm cuối)
9/2002-2005	Chuyên viên Phòng đào tạo Tại chức, Học viện Hành chính Quốc gia
2005-2007	Phó Trưởng phòng đào tạo Tại chức, Học viện Hành chính Quốc gia

1/2008 – 2009	Q. Trưởng phòng đào tạo Tại chức, Học viện Hành chính Quốc gia; Giảng viên kiêm chức khoa QLNN về Đô thị - Nông thôn (2009).
2009 - 2/2018	Trưởng phòng đào tạo Tại chức, Học viện Hành chính Quốc gia; Giảng viên kiêm chức khoa QLNN về Kinh tế (2016).
2008-2010	Phó Bí thư chi bộ khoa Đào tạo - Bồi dưỡng CC&TC, Học viện Hành chính QG
2010-2011	Bí thư chi bộ khoa Đào tạo - Bồi dưỡng CC&TC Học viện Hành chính Quốc gia
2015-2017	Chi uỷ Ban đào tạo, Học viện Hành chính Quốc gia; Ủy viên hội đồng Khoa học khoa QLNN về Đô thị – Nông thôn Học viện Hành chính Quốc gia.
2/2018-3/2020	Trưởng Bộ môn Tài nguyên và Môi trường, Học viện Hành chính QG; Phó Chủ tịch hội đồng Khoa học đào tạo khoa QLNN về Xã hội Học viện Hành chính Quốc gia (2018).
3/2020 đến nay	Phó Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính Học viện Hành chính Quốc gia.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn/Trưởng phòng.

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Hành chính Quốc gia

Địa chỉ cơ quan: Số 77 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.7.349.782

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội và Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội và Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Bằng đại học:

+ Được cấp bằng ĐH ngày 29/5/2001; số văn bằng: c 53617; ngành: Luật, chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Việt Nam.

+ Được cấp bằng ĐH ngày 04/7/2001; số văn bằng: c 136911; ngành: Kế toán, chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Tài chính kế toán Hà Nội, Việt Nam.

+ Được cấp bằng ĐH ngày 31/8/2018; số văn bằng: ĐH 000584; ngành: Tiếng Anh, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 02/7/2008; số văn bằng: 0327, No.A041993; ngành: Chính trị học; chuyên ngành: Quản lý hành chính công; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Hành chính Quốc gia, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 10/02/2015; số văn bằng: 003826; ngành: Chính trị học; chuyên ngành: Quản lý hành chính công; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Hành chính Quốc gia, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chính trị học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Quản lý nhà nước về: Giáo dục đào tạo, Tài nguyên và môi trường, Nông nghiệp và Nông thôn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS đã được cấp bằng Tiến sỹ.

- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn được cấp bằng ThS/CK2/BSNT; Có 09 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 cấp bộ (là thành viên), 02 cấp cơ (là chủ nhiệm);

- Đã công bố (số lượng) 24 bài báo khoa học, trong đó 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (có 05 bài xuất bản năm 2022 thuộc ISI và Scopus);

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 06 cuốn, trong đó 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen, giấy khen.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 13 năm (từ năm 2009).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện Hành chính Quốc gia từ năm 2016 đến năm 2022 về định mức giờ giảng, giảm trừ đối với viên kiêm nhiệm và giảng viên cơ hữu thuộc Học viện Hành chính Quốc gia (theo quy chế chi tiêu nội bộ từ năm 2016-2022 quy định về giờ giảng đối với giảng viên kèm theo).

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016					180		180/328.5/48
2	2016-2017			03		180		180/318.0/48
3	2017-2018		01	01		150		150/299.0/48
3 năm học cuối								
4	2018-2019			01		285	30	315/416.5/256
5	2019-2020			05		256	30	286/483.9/124
6	2021-2022			03		105		105/117/77.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; số văn bằng: ĐH 000584; năm cấp 31/8/2018.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh cấp năm 2018, chứng chỉ B tiếng Anh năm 1999.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Hồng Phượng		x	x		15/5/2016 - 15/9/2016	Học viện Hành chính quốc gia	Số bằng A167404, số vào sổ 3944 ngày 12/6/2017, QĐTN 897/QĐ-HCQG ngày 27/4/2017)
2	Nguyễn Ngọc Tuấn		x	x		01/10/2016-15/02/2017	Học viện Hành chính quốc gia	Số bằng 178735, số vào sổ 4285, 26/12/2017, QĐTN 4123/QĐ-HCQG ngày 08/12/2017)
3	Nguyễn Hữu Tình		x	x		01/10/2016-15/2/2017	Học viện Hành chính quốc gia	Số bằng 196478, số vào sổ 4554,

							03/7/2018 QĐTN 1949/QĐ-HCQG ngày 18/6/2018
4	Nguyễn Tuấn Anh QLNN đối với DN nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn TP Hà Nội	x			x	2017-2020	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội Số bằng A000009 ngày 22/9/2021, QĐ số 91/QĐ-BGH ngày 14/9/2021
5	Nguyễn Trung Kiên		x	x		15/5/2017- 05/10/2017	Học viện Hành chính quốc gia Số bằng 196519, số vào sổ 4595, 03/7/2018, QĐTN 1950/QĐ-HCQG ngày 18/6/2018
6	Nguyễn Thi Vương		x	x		05/01/2018- 15/6/2018	Học viện Hành chính quốc gia Số bằng A208929, số vào sổ 5079, 05/01/2019, QĐTN 5346/QĐ-HCQG ngày 28/12/2018
7	Đỗ Thị Mai		x	x		01/3/2019- 30/6/2019	Học viện Hành chính quốc gia Số bằng 000431, số vào sổ B-Ths-00017, 01/4/2020, QĐTN 673/QĐ-HCQG ngày 01/4/2020
8	Trần Đức Mạnh		x	x		01/3/2019- 30/6/2019	Học viện Hành chính quốc gia Số bằng 000895, số vào sổ B-Ths-QL00002, 14/4/2021, QĐTN 673/QĐ-HCQG ngày 14/4/2021
9	Nguyễn Thị Thu Thảo		x	x		01/11/2019- 29/02/2020	Học viện Hành chính quốc gia Số bằng 000636, số vào sổ B-Ths-QL00152, 15/12/2020, QĐTN 4131/QĐ-HCQG ngày 10/12/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên (có các cuốn sách kèm theo)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.	CK	Nhà xuất bản Khoa học Kỹ	03	Thành viên (55%) có xác	23-153; 189-198;	Văn bản số 1000/BBTT-

	Số Quyết định xuất bản 194/QĐXB-NXBKHKT		thuật tháng 11 năm 2011.		nhận của chủ biên	204-219	ĐHNV của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội ngày 21/5/2021 về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo
II Sau khi được công nhận PGS/TS							
2	Quản lý nhà nước dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước trong Giáo dục - Đào tạo đại học và sau đại học ở Việt Nam. Số Quyết định xuất bản 757-QĐ/NXBCTQG	CK	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật tháng 9/2016.	01	Chủ biên	01-243	Văn bản số 1000/BBTT-ĐHNV của Hiệu trưởng Trường Đại học Nội vụ Hà Nội ngày 21/5/2021 về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo
3	Quản lý nhà nước về Nông nghiệp và nông thôn. Số Quyết định xuất bản 73/QĐ-ĐHBK-BKHN	GT đại học	Nhà xuất bản Bách Khoa tháng 4 năm 2020.	08	Chủ biên (51%), có xác nhận của các thành viên Chủ biên (65%), có xác nhận của các thành viên	03-47	Quyết định số 4942,4943,4946/QĐ-HCQG ngày 28/12/2017 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo
4	Quản lý nhà nước về dự án đầu tư. Số Quyết định xuất bản 72/QĐ-ĐHBK-BKHN			03	Chủ biên (51%), có xác nhận của các thành viên	03-153	
5	Quản lý xây dựng nông thôn mới. Số Quyết định xuất bản 67/QĐ-ĐHBK-BKHN			08		03-74	
6	Quản lý nhà nước về TN và MT. Số Quyết định xuất bản 34/QĐ-ĐHBK-BKHN	GT cao học	Nhà xuất bản Bách Khoa quý I năm 2021	05	Thành viên (55%) có xác nhận của chủ biên	79-203	Quyết định số 5400/QĐ-HCQG ngày 20/10/2019 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia về việc sử dụng sách phục vụ đào tạo

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [1,2].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận PGS/TS					
1	Khảo sát phân loại và xây dựng chương trình khung bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước cho các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp xã,	Thành viên	Đề tài cấp Bộ QĐ số 228/HCQG-NCKH ngày 14/4/2004 của Giám đốc HVHCQG	2004-2005	Biên bản nghiệm thu đề tài tháng 12 năm 2005 Xếp loại: Khá
2	Điều tra đánh giá chất lượng đào tạo đại học hành chính văn bằng 1, hình thức vừa làm vừa học tại Học viện Hành chính Quốc gia.		Đề tài cấp Bộ QĐ số 2600/HCQG ngày 321/12/2007 của Giám đốc HVHCQG	2007-2008	Biên bản nghiệm thu đề tài tháng 01 năm 2010 Xếp loại: Xuất sắc
II Sau khi được công nhận PGS/TS					
1	Quản lý nhà nước về tài nguyên rừng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững	Chủ nhiệm	Mã số /2018 /ĐTCS-HCQG, QĐ số 1298/QĐ ngày 20/4/2018 của Học viện Hành chính Quốc gia	2018	Quyết định nghiệm thu đề tài số 3031/QĐ-HCQG tháng 9/2018. Xếp loại Xuất sắc
2	QLNN về Môi trường trong nền kinh tế thị trường.	Chủ nhiệm	Mã số /2019 /ĐTCS-HCQG, QĐ số 962/QĐ ngày 27/3/2019 của Học viện Hành chính Quốc gia	2019	Quyết định nghiệm thu đề tài số 5159/QĐ-HCQG tháng 12/2019. Xếp loại Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại TC QT uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi công nhận PGS/TS								

1	Một số vấn đề về quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	01	X			139/tr 11-13 và tr 50	2007
2	Đào tạo đại học hành chính được đầu tư từ ngân sách địa phương theo hướng xã hội hoá giáo dục.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 0868-2828		172/tr 52-55 và tr 67	2010
3	Đổi mới công tác quản lý đối với các dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước cho đào tạo đại học và sau đại học.	01	X			186/tr 18-21	2011
4	Đổi mới quản lý đầu tư ngân sách nhà nước cho đào tạo đại học, sau đại học ở Việt Nam.	01	X	Tạp chí Cộng sản, ISSN 0876-7876		64/tr. 42-44	2012
5	Quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư cho giáo dục đại học bằng vốn ODA.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 0868-2828		207/tr. 47-52	2013
6	Chính sách cho sinh viên và những vấn đề đặt ra hiện nay.	01	X	Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, ISN 0868-2771		06/tr 50-55	2013
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
7	Đổi mới cơ chế tạo nguồn thu của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761		246/tr 52-55	2016
8	Một số giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học.	01	X	Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, ISSN 0868-2771		03/tr 68-72	2017
9	Kinh tế và môi trường- Giải pháp phát triển bền vững.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761		05/tr. 79- 82	2018

10	Quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng bền vững	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761		270/tr. 82- 85	2018
11	Quản lý nhà nước về tài nguyên rừng, qua thực tiễn tỉnh Nghệ An.	01	X	Tạp chí Lý luận Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, ISN 2525-2585		07/tr 81-85	2018
12	Chính phủ kiến tạo, liên chính trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, Chính sách đầu tư đối với đội ngũ giảng viên và nhà khoa học trong cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.	01	X	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia – Sự thật tháng 12/2018. ISBN 978-604-57-4474-1. Kỷ yếu hội thảo Quốc tế, Học viện Hành chính Quốc gia Việt Nam, Học viện Hành chính vùng METZ, cộng Hòa Pháp, Viện Kinh tế Việt Nam		11/tr 913-934	2018
13	Public investment for students in Vietnam	01	X	Canadian Center of Science and Education ISN 1913-9020 E-ISN 1913-9039		11/tr 106-115	2018
14	Một số vấn đề quản lý nhà nước về Quốc phòng, an ninh trong thời kỳ hội nhập Quốc tế.	01	X	Tạp chí Khoa học Quân sự, Bộ Quốc phòng, ISN 1859-0101		03/tr 29-33	2019
15	Phát huy vai trò liên kết vùng trong phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam.	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761		281/tr. 53- 56	2019
16	Quản lý nhà nước về môi trường trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	01	X	Tạp chí Công an nhân dân, ISN 1859-4409		9/tr. 44-47	2019
17	Forest Management Meeting the Requirements for Sustainable Development in Vietnam	02	X	Public Administration Research ISSN 1927-517x E-ISSN 1927-5188		9/2/Tr 15-27	2020

				Published by Canadian Center of Science and Education				
18	Phát huy tự chủ nguồn lực trong đơn vị sự nghiệp công lập	01	X	Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính Quốc gia, ISSN 2354-0761		294/tr 94-97	2020	
19	Environmental Management Meeting the Requirements for Sustainable Development in Vietnam	01	X	Public Administration Research; ISN 1927-517x E-ISN 1927-5188 Published by Canadian Center of Science and Education		10/2/tr 07-28	2021	
20	State investment in education and training in Viet Nam	3	X		Journal of Law and Political Sciences (JLPS) ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551. https://drive.google.com/file/d/1cxz4eiuyPTw-jmwRe8Xg5K-DDH2ld1k/view	ISI IF = 1,84	Vol. (33), issue 2; Page 373 to 393	2022
21	The Role of Financial Inclusion, Green Investment and Green Credit on Sustainable Economic Development: Evidence from Vietnam	6	X		Cuadern os De Economic (Economic Study) ISSN: 0121-4772 2248-4337. https://cude.es/submit-a-manuscript/index.php/CUDE/article/view/210/192	ISI + SC OP US IF = 0,60	Volume 45, Issue 127 Page 1-1	2022
22	The factors influence high technology adoption of Agricultural cooperatives in Viet Nam	03	X		Journal of Law and Political Sciences (JLPS) ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551. https://drive.google.com/file/d/1_13u4GaZqBqr1B8d588Aedz8bSnbsEcS/view ,	ISI IF = 1,84	Vol 34 Issue (3); Page 371-398	2022
23	Economic Impact of Climate Change on Agriculture: A Case of Vietnam	07			AgBioForum (The Journal of Agrobiotechnology	SC OP US	AgBio Forum, Volum	2022

					Mangement & Economics ISSN : 1522-936X. https://agbioforum.org/article-view/?id=72	IF = 1,0	e 24, Number 1, Page 1 to page 12	
24	Applying responsibility accounting in Vietnamese firms	05	X		International Journal of Health Sciences, 6(S2) ISSN: 2550-6978 & 2550 – 696X https://doi.org/10.53730/ijhs.v6nS2.5418	SCOPUS IF = 0,8	Vol. 6, 2022 Issue 2; Page 1936-1944	

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: [13,17,19, 20,21,22,24].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Giáo trình đào tạo đại học quản lý thị trường bất động sản	Phản biện 1	Quyết định thành lập hội đồng số 3927/QĐ-HCQG ngày 24/11/2017	Học viện Hành chính Quốc gia	Quyết định số 4849/QĐ-HCQG ngày 28/12/2017
2	Giáo trình đào tạo đại học quản lý đất đai và nhà ở đô thị	Phản biện 1	Quyết định thành lập hội đồng số 3928/QĐ-HCQG, ngày 24/11/2017		Quyết định số 5002/QĐ-HCQG ngày 29/12/2017
3	Giáo trình đào tạo đại học QLNN về Tài nguyên và Môi trường	Phản biện 2	Quyết định thành lập hội đồng số 4042/QĐ-HCQG, ngày 01/12/2017		Thất lạc
4	Đề tài khoa học cấp cơ sở: Hoàn thiện công tác quản lý vốn đầu tư XDCB từ NS nhà nước	Ủy viên	Quyết định thành lập hội đồng số 4017/QĐ-HCQG, ngày 01/12/2017		Quyết định số 4684/QĐ-HCQG ngày 22/12/2017

	cho lĩnh vực thủy lợi tại Bộ NN &PT nông thôn			
5	Đề tài khoa học cấp cơ sở: QLNN về quy hoạch xây dựng đô thị ven biển, thành phố Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa	Phản biện 2	Quyết định thành lập hội đồng số 4016/QĐ-HCQG, ngày 01/12/2017	Quyết định số 4686/QĐ-HCQG ngày 22/12/2017
6	Đề tài khoa học cấp cơ sở: Chuyển dịch cơ cấu ven biển Quảng Bình nhằm ứng phó với sự cố môi trường ven bờ	Phản biện 1	Quyết định thành lập hội đồng số 4015/QĐ-HCQG, ngày 01/12/2017	Quyết định số 4685/QĐ-HCQG ngày 22/12/2017
7	- Ban chỉ đạo soạn thảo xây dựng đề án tự chủ của Học viện Hành chính Quốc gia - Hội đồng đánh giá đề án hoạt động tự chủ của Học viện Hành chính Quốc gia. - Ban soạn thảo xây dựng đề án tự chủ của 05 đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Học viện Hành chính Quốc gia	Ủy viên- thư ký Phó trưởng Ban	Quyết định số 1035/QĐ-HCQG, ngày 20/5/2020 Quyết định số 2097/QĐ-HCQG ngày 20/7/2020 Quyết định số 1037,1038,1036,1039,1040/QĐ-HCQG ngày 20/5/2020	Quyết định số 1148/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 và Quyết định số 400/QĐ-BNV ngày 19/3/2021; Quyết định số 783/QĐ-BNV ngày 13/5/2021 và Quyết định số 602/QĐ-BNV ngày 13/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao dự toán NSNN 2021

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước... được bù bằng điểm...theo quy định

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phùng Văn Hiền